Hoạt động hộ quốc an dân của PGVN trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

ISSN: 2734-9195 08:10 14/09/2025

Phát huy tinh thần hộ quốc an dân, Phật giáo Việt Nam đã nhiệt tình góp sức mình vào công cuộc giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tinh thần này còn được tăng ni, Phật tử phát huy mạnh mẽ hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1945-1954.

Tác giả: **Nguyễn Thúy Hiền (1) - Lê Tuấn Hùng (2)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Mở đầu

Năm 1858, sau một thời gian dài thăm dò, rạng sáng ngày 1/9/1858, thực dân Pháp chính thức nổ súng mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Trong bối cảnh đó, toàn thể dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên đấu tranh chống sự áp bức của chủ nghĩa thực dân, giành và bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Thấm nhuần tư tưởng không thoát li khỏi đời sống thế tục, nhất là khi nhân dân đang phải chịu cảnh “một cổ hai tròng”, các tăng, ni, Phật tử Việt Nam cũng hiên ngang đứng lên đấu tranh, đồng hành cùng chúng sinh trong phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

Vấn đề dân tộc Việt Nam thời kỳ cận đại nói chung, sự đồng hành của Phật giáo với dân tộc trong những năm tháng “bão lửa” đó nói riêng luôn là vấn đề giành được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Một số công trình khoa học đã được công bố có liên quan tới chủ đề này có thể kể tới là: *Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (3), Lý tưởng phụng sự xã hội của thanh niên phật tử trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975) (4), Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) (5), Phật giáo Nam Bộ đồng hành trong cuộc kháng chiến chống Pháp (6), Về sự ra đời của các tổ chức Phật giáo ở miền Nam Việt Nam, giai đoạn 1951-1954 (7)*... Bài viết *Vài nét về hoạt động hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)* không nhằm

mục đích khái quát lại toàn cảnh bức tranh về sự đồng hành của Phật giáo với công cuộc đấu tranh vì nền độc lập, tự do của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, mà chỉ hướng tới mục tiêu đưa ra một số khía cạnh để làm rõ thêm sự dấn thân "hộ quốc an dân" của tăng ni, Phật tử giai đoạn 1945- 1954, từ đó tham góp vào việc làm tường minh hơn nữa vai trò của Phật giáo với cách mạng Việt Nam.

2. Quan điểm của Phật giáo đối với vấn đề dân tộc

Có thể nói, vấn đề dân tộc nói chung, các hoạt động yêu nước nói riêng là một là một phạm trù thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu những giáo lý của Phật giáo, nhiều quan điểm cho rằng tôn giáo này và chính trị là hai khía cạnh trái ngược nhau. Tuy nhiên, mặt khác giáo lý đạo Phật cũng hướng tới việc phổ độ chúng sinh, mang lại sự bình an, hạnh phúc cho người dân, giải thoát cho con người khỏi những khổ đau, bất hạnh của trần thế. Chính vì vậy, khi những quyền lợi cơ bản phục vụ cho nhu cầu sống của người dân bị đe dọa bởi các mục đích chính trị, Phật giáo sẽ đứng lên để bảo vệ và cứu khổ, cứu nạn cho quần chúng.

Hình mang tính minh họa

Thực tế chứng minh rằng, ngay từ những buổi đầu độc lập sau hàng nghìn năm chịu sự đô hộ của phong kiến phương Bắc, tinh thần "hộ quốc an dân" đã được bộc lộ rất rõ nét qua hành trạng của các vị Thiền sư nổi tiếng, cũng như hoạt động của các tăng ni, Phật tử trong suốt thời kỳ quân chủ. Trong bài giảng tại

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Hòa thượng Thích Quảng Tùng giải thích: “Hộ quốc” là giúp đỡ, hộ trì quốc gia. “An dân” là khiến cho dân được an ổn. Vậy, hộ quốc an dân có thể hiểu là sự giúp đỡ cống hiến bằng sức lực và trí tuệ để hộ trì đất nước góp phần gìn giữ đất nền độc lập của Tổ quốc, làm cho đất nước phát triển tốt đẹp, giúp người dân có cuộc sống tự do, bình an, hạnh phúc” (8). Nhìn lại lịch sử Việt Nam từ thế kỉ X cho tới nay, có thể nói, các thế hệ tăng ni, Phật tử luôn đồng hành cùng dân tộc trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Đặc biệt, Phật hoàng Trần Nhân Tông là người có tư tưởng “gắn đạo với đời, chủ trương “nhập thế”, không phân biệt con đường tu hành, có thể “cư trần lạc đạo”, “mình ngồi thành thị, nết dụng sơn lâm” hay “đắc thú lâm tuyền thành đạo”, “khuất tịch non cao, náu mình sơn dã”, nêu cao trách nhiệm với dân, với nước, với sơn hà xã tắc” (9). Những tư tưởng của ông đã trở thành kim chỉ nam cho con đường phát triển của Phật giáo Việt Nam những thời kỳ sau đó.

Cuối những năm 80 của thế kỉ XIX, công cuộc bình định Việt Nam của thực dân Pháp về cơ bản được hoàn thành, từ đây, giới chính khách Pháp có điều kiện để đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa trên toàn cõi Đông Dương. Song song với những nỗ lực trên lĩnh vực kinh tế, chính trị, chính quyền Paris còn hy vọng có thể đồng hóa nhân dân Việt Nam thông qua quá trình tiếp biến văn hóa theo hai xu hướng là tự nguyện và cưỡng bức. Chính vì vậy, hàng loạt các biện pháp đàn áp tôn giáo bản địa lúc bấy giờ đã được thực hiện, trái ngược với đó là sự nở rộ của các tôn giáo, tín ngưỡng có nguồn gốc từ phương Tây, tiêu biểu như Thiên Chúa giáo. Trước tình cảnh nước mất, nhà tan, niềm tin tôn giáo bị chà đạp, không ít tăng ni, Phật tử đã đứng lên đấu tranh đòi lại quyền tự do độc lập cho quốc gia, đòi quyền tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, phản đối các hành động đàn áp chúng sinh của thực dân Pháp... Như vậy, trong suốt một thời gian dài từ cuối thế kỉ XIX tới mấy mươi năm của thế kỉ XX, Phật giáo Việt Nam nói chung đã một lần nữa bày tỏ quan điểm chính trị - xã hội của mình trước tình cảnh lâm nguy của đất nước, đấu tranh không ngừng nghỉ cho quyền lợi của mỗi người dân Việt Nam. Đúng như Hòa thượng Thích Minh Nguyện từng khẳng định : “Phật giáo Việt Nam chỉ bền vững và có ý nghĩa khi đã biết gắn mình vào dân tộc Việt Nam, hòa mình trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không thể khép kín hoặc tách rời khỏi cộng đồng đó. Đứng trước họa xâm lăng đương đe dọa Tổ quốc, người Phật tử không thể ngồi yên gõ mõ tụng kinh cầu nguyện, mặc cho kẻ thù đem súng đến tàn sát những người ruột thịt của mình. Có ý thức như vậy và hành động đúng như vậy, tăng ni Phật tử mới thể hiện đúng tinh thần “vô ngã, vị tha” của Đức Phật, nghĩa là người Phật tử luôn quên mình cứu độ chính sinh” (10).

3. Sự dấn thân “hộ quốc an dân” của tăng ni, phật tử giai đoạn 1945-1954

3.1 Trên khía cạnh chính trị - tổ chức

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công đã mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh đó, vấn đề xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân được đặt ra vô cùng cấp thiết. Trong những ngày cuối tháng 8/1945, Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tổ chức nhiều cuộc gặp mặt với đại diện của Phật giáo tại Hà Nội để tuyên duyên những hoạt động mà Phật giáo đã thực hiện trong suốt những năm qua để ủng hộ phong trào yêu nước của quần chúng nhân dân và không ngừng đấu tranh vì nền hòa bình, tự do của dân tộc. Cũng trong những buổi làm việc đó, Chính phủ thể hiện quan điểm hoan nghênh các tăng ni, Phật tử tham gia ủng hộ cách mạng, đồng hành với dân tộc trong công cuộc dựng nước và giữ nước ở những thời kỳ kế tiếp. Trong bối cảnh đó, Hội Phật giáo Cứu quốc đầu tiên đã ra đời và nằm trong hàng ngũ của mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, chủ tịch hội là Hòa thượng Thích Thanh Thao, bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết và Thượng tọa Thích Thanh Đặc là phó chủ tịch, trụ sở của hội đặt tại chùa Linh Quang (Hà Nội). Nhận được lời hiệu triệu đó, các hội Phật giáo Cứu quốc, các tổ chức Tăng già Cứu quốc ở khắp ba miền Tổ quốc đã từng bước được thành lập và tập hợp nhiều tăng ni, Phật tử vốn một lòng hướng Phật nhưng cũng thấm nhuần tư tưởng “Phật giáo nhập thế” mà Phật hoàng Trần Nhân Tông đã truyền dạy. Một số tổ chức cơ sở tiêu biểu thành lập trong năm 1945 có thể kể tới là: Đoàn Tăng già Cứu quốc phủ bộ Thủy Nguyên, Hội Phật giáo Cứu quốc Thanh Hoá, Hội Phật giáo Cứu quốc tỉnh Nghệ An, Hội Phật giáo cứu quốc Trung Bộ và Thừa Thiên, Hội Phật giáo Cứu quốc Thủ Dầu Một...

Sau ngày 2/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ chủ cộng hòa đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” bởi những lý do chủ quan và khách quan, vấn đề giành chính quyền đã khó, vấn đề giữ được chính quyền lại càng khó hơn. Giữa tháng 9 năm đó, trong cuộc gặp mặt giữa các đại diện Phật giáo với Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa dân tộc với tôn giáo: “Dân tộc có giải phóng thì tôn giáo mới giải phóng được. Lúc này chỉ có quốc gia không phân biệt tôn giáo, mỗi người đều là công dân Việt Nam và có trách nhiệm chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc” (11). Đầu năm 1945, hơn 90% đồng bào yêu nước đã tham gia cuộc tổng tuyển cử đầu tiên ở Việt Nam nhằm bầu ra những đại biểu chân chính vào cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước.

Trong dịp này, Thượng tọa Thích Mật Thể, trụ trì chùa Phổ Quang, thuộc đoàn đại biểu Thừa Thiên - Huế đã trúng cử và trở thành đại biểu Quốc hội khóa I. Sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhà sư không lui về hậu phương mà trực tiếp đi vào vùng chiến để cùng với lực lượng cách mạng xây dựng phong trào yêu nước, chống lại sự xâm lược của các thế lực bên ngoài, giữ gìn nền độc lập và giành lại hòa bình cho dân tộc. Tại khu vực miền Nam, sau khi được giải thoát khỏi nhà tù Côn Đảo, Hòa thượng Thích Thiện Chiếu - người tích cực tham gia vào phong trào yêu nước ở Nam Kỳ nói chung, phong trào Nam Kỳ khởi nghĩa nói riêng - đã được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính kháng chiến tỉnh Gò Công. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, ông cũng trực tiếp đảm nhận nhiều nhiệm vụ trong quân khu và Trung ương cục miền Nam. Có thể nói, những hoạt động yêu nước của tăng ni góp phần quan trọng vào việc thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân phục vụ cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc.

3.2 Trên khía cạnh Quân sự

Sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ hiểu rõ Việt Nam cần hòa bình để xây dựng, kiến thiết đất nước nên đã chủ trương tạo mối quan hệ bang giao hòa bình, nhân nhượng nhiều quyền lợi cho các phe phái đối lập. Tuy nhiên, với quyết tâm tái chiếm Đông Dương, thiết lập lại quyền kiểm soát trên vùng bán đảo Đông Nam Á, thực dân Pháp đã tăng cường hơn nữa các biện pháp quân sự, không ngừng vi phạm các điều khoản như đã thỏa thuận giữa hai chính phủ Pháp - Việt.

Trước tình hình đó, ngày 12/12/1946, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Trưa ngày 19/12/1946, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị “Chỉ trong vòng 24 giờ là cùng, giặc Pháp sẽ nổ súng.

Tất cả hãy sẵn sàng” tới tất cả các mặt trận trên toàn quốc. Tối ngày hôm đó, cuộc kháng chiến chống lại giặc ngoại xâm của toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức bắt đầu. Trong bối cảnh đó, các tăng ni, phật tử đã trực tiếp dấn thân để đồng hành cùng dân tộc trong những năm tháng “bão lửa”.

Các tài liệu lịch sử còn ghi lại sự kiện ngày 27/2/1947, tại chùa Cổ Lễ (tỉnh Nam Định), Hội Phật giáo Cứu quốc đã làm lễ phát nguyện cho 27 nhà sư tới từ nhiều tỉnh thành như Nam Định, Nghệ An, Hải Phòng, Ninh Bình để trở thành 27 chiến sĩ thuộc lực lượng quân đội nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Không chỉ chùa Cổ Lễ, trong suốt những năm tháng kháng chiến trường kì của dân tộc, từ các ngôi chùa trên khắp Việt Nam, nhiều vị tăng ni cũng sẵn sàng gửi lại cà sa chốn thư phòng, không tiếc thân mình để trả ơn non sông đất nước.

Theo thống kê, trong giai đoạn 1947-1954, có khoảng hơn 400 các tăng ni tuổi đời còn trẻ đã ngã xuống nơi chiến trường (12). Bên cạnh đó, từ trong kháng chiến, nhiều nhà sư cũng dần trở thành sĩ quan quân đội, tiêu biểu như Đại tá Đinh Thế Hinh (pháp danh Thích Pháp Lữ),... Có thể nói, đây là biểu tượng mạnh mẽ cho tinh thần nhập thế, vì dân tộc mà không ngại hy sinh.

Song song với các hoạt động trực tiếp tham gia vào lực lượng vũ trang, các tăng ni, Phật tử còn tích cực tham gia vào các chủ trương, chính sách lớn của nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu cuối cùng là quét sạch quân xâm lược, giành lại độc lập cho nhân dân.

Thực hiện chủ trương “tiêu thổ kháng chiến” của Đảng Cộng sản Đông Dương, trong giai đoạn 1946-1947, các Phật tử miền Bắc đồng lòng phá hủy máy in của Nhà in Đuốc Tuệ cũng như nhiều sơ sở vật chất khác của Hội Phật giáo Bắc Kỳ nhằm đối phó với chiến lược “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” của thực dân Pháp, ngăn cản bước tiến của địch, thực hiện nghiêm túc lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không lợi dụng được”. Bên cạnh đó, chuông chùa, một trong năm pháp khí quan trọng của Phật giáo, cũng được nhiều tăng ni, Phật tử hiến cho lực lượng cách mạng sử dụng trong việc đúc vũ khí. Nhiều lư hương, chân đèn, khánh… với chất liệu chính là đồng cũng được nhà chùa quyên góp cho kháng chiến.

Chùa Cổ Lễ (ảnh: Thường Nguyên)

Trong những năm tháng cả dân tộc không ngại hy sinh tất cả để giành lại nền hòa bình cho mai sau, các ngôi chùa, tự viện không chỉ giữ vai trò là một địa điểm tôn giáo mà đã trở thành các căn cứ cách mạng, trở thành nơi cất giấu vũ khí, nuôi giấu cán bộ kháng chiến và là địa chỉ liên lạc bí mật của các chiến sĩ cách mạng. Chùa Trầm (phường Chương Mỹ, thành phố Hà Nội) là danh thắng nổi tiếng ở Hà Nội không chỉ bởi cảnh sắc thiên nhiên tuyệt đẹp, không gian thiền môn cuốn hút mà nơi đây còn được biết tới là địa điểm đã phát sóng "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" tới cả nước trong sáng ngày 20/12/1946. Chùa Tảo Sách nằm ven Hồ Tây (thành phố Hà Nội) trong giai đoạn 1945-1954 là nơi liên lạc, cất giấu tài liệu và che chở cho các cán bộ chiến sĩ hoạt động thầm lặng trong lòng địch. Hay như chùa Vĩnh Thái (tỉnh Thanh Hóa) không chỉ là cơ sở cách mạng mà còn là trạm liên lạc quan trọng của Xứ ủy Trung Kỳ. Chùa Ca, chùa Pheo (tỉnh Thái Nguyên), chùa Ô Mịch (tỉnh Hưng Yên), chùa Vãng (tỉnh Ninh Bình), chùa Vĩnh Tràng (tỉnh Đồng Tháp)… cũng đã trở thành trở thành các địa chỉ đỏ, thể hiện rõ tinh thần "hộ quốc an dân" và sự hòa quyện đạo với đời của Phật giáo Việt Nam.

3.3 Trên khía cạnh hậu cần - xã hội

Gần một thế kỉ đối đầu với thực dân Pháp cũng là gần một thế kỉ nhân dân Việt Nam sống trong cảnh lầm than, cực khổ, những quyền con người cơ bản bị tước đoạt. Trong bối cảnh đó, Phật giáo đã đứng lên thực hiện đúng lời răn phải từ bi hỉ sả của Đức Phật. Tổng kết về các thành tựu của phong trào chấn hưng Phật giáo, Nguyễn Đại Đồng cho rằng, một trong những kết quả quan trọng nhất mà phong trào đạt được đó là các hội đã bắt tay vào công tác từ thiện xã hội với các đợt quyên góp ủng hộ đồng bào tại vùng bị thiên tai, cứu đói, khám, chữa bệnh, phát thuốc, lập cô nhi viện nuôi trẻ mồ côi (13). Theo đó, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, khi Chính phủ ra lời kêu gọi sự ủng hộ của toàn thể nhân dân thông qua các lời kêu gọi, chương trình như: Hũ gạo cứu đói, Ngày đồng tâm, Bình dân học vụ, Tăng gia sản xuất... các tăng ni, phật tử đã tích cực tham gia và ủng hộ chính quyền cách mạng.

Có thể nói, những hoạt động này có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ với Chính phủ mới thành lập mà còn góp phần vào việc giúp đỡ nhân dân đạt được những quyền con người cơ bản nhất, qua đó xây dựng được lòng tin và chỗ đứng của Phật giáo trong lòng dân tộc.

Chùa Tảo Sách (ảnh: Thường Nguyên)

Trước tình cảnh đói nghèo của quần chúng, nhiều hoạt động từ thiện, cứu tế do các nhà sư khởi xướng đã được thực hiện và đạt được kết quả tích cực. Từ năm 1944, nhiều tổ chức từ thiện Phật giáo đã tổ chức các chương trình quyên tặng áo ấm mùa đông, quyên góp lương thực thực phẩm, lập cô nhi viện giúp đỡ trẻ em lang thang cơ nhỡ, lập hòm công đức giúp nhân dân vượt qua thiên tai, mở phòng khám bệnh và phát thuốc… Không chỉ kêu gọi các tấm lòng hảo tâm, các tăng ni, phật tử cũng tích cực tổ chức các chương trình văn hóa - văn nghệ, thực hiện một số hoạt động kinh doanh như tổ chức bán vé xổ số vào năm 1950, toàn bộ lợi nhuận thu được từ những chương trình này sẽ được sử dụng vào mục đích từ thiện. Một số chương trình tiêu biểu đã được tổ chức trong giai đoạn này có thể kể tới là: Buổi biểu diễn của đoàn cải lương Kim Phụng ngày 18/1/1950 (lợi nhuận là 20.015 đồng); Buổi biểu diễn vở *Sám hối* trong hai ngày 3 và 4/5/1952 (lợi nhuận là 30.748 đồng); Bữa tiệc trà tại chùa Quán Sứ ngày 15/1/1953 (thu được 11.550 đồng) (14)... Toàn bộ số tiền này đã được sử dụng vào các công việc quyên góp cho cô nhi viện, cấp 500 suất chăn và chiếu tại Thái Bình... Không chỉ hoạt động riêng lẻ, Phật giáo Việt Nam đã có sự phối hợp với các tổ chức, tôn giáo khác để thực hiện việc giúp đỡ quần chúng nhân dân: “Năm 1944, Hội Phật giáo Bắc Kỳ kết hợp với Hội Thánh (Công giáo), một số tổ chức từ thiện như Hội Phúc Thiện, Hội Hợp Thiện, Hội Quảng Thiện, và một số tờ báo như Đông Pháp, Ngọ Báo, Trung Bắc Tân Văn… thành lập Ban Cứu tế Mùa Đông để giúp đỡ đồng bào thiếu áo chống rét” (15).

Bên cạnh các hoạt động từ thiện, công tác nâng cao dân trí cũng được các tăng ni, phật tử đặc biệt quan tâm. Ngày 6/5/1946, Liên đoàn Tăng già nội ngoại thành Hà Nội được thành lập với mục đích mở trường Phật học cho tăng ni thanh niên và tham gia vào việc bình dân học vụ (16).

Bảng: *Một số cơ sở giáo dục đào tạo do tăng ni, Phật tử tổ chức giai đoạn 1945-1954 (17,18)*

STT	Tên cơ sở giáo dục, đào tạo	Cá nhân, tổ chức thành lập	Năm thành lập	Địa điểm
1	Lớp thực hành sơ cấp bình dân	Ni sư Diệu Hải	1945	Chùa xã Phù Long (huyện Phúc Thọ, Sơn Tây)
2	Lớp Tăng già học vụ	Ủy ban Tăng già Bắc bộ	1946	Các ngôi chùa ở Hà Nội
3	Phật học đường	Thượng tọa Thích Thiện Hoa	1946	Chùa Phật Quang (huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long)
4	Trường Phật học Cao Phong	Cư sĩ Thiều Chửu	1947	Chùa Cao Phong (huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên)
5	Phật học đường Liên Hải	Thượng tọa Thích Trí Tịnh, Thích Quảng Minh, Thích Huyền Dung	1947	Chùa Vạn Phước (Bình Trị Đông, Sài Gòn)
6	Phật học đường Mai Sơn		1947	Chùa Sùng Đức (Phú Lâm, Sài Gòn)
7	Lớp Sơ đẳng Phật học	Nhà sư Hành Trụ	1948	Chùa Giác Nguyên (Sài Gòn)
8	Lớp Phật học Trần Nhân Tông	Cư sĩ Thiều Chửu	1949	Chùa Cao Phong (huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên)
9	Trường Tiểu học Khuông Việt	Hội Phật giáo Việt Nam	1949	Chùa Quán Sứ, Chùa Vân Hồ (Hà Nội)
10	Trường Ni giới Vạn Hạnh			Bên cạnh chùa Hàm Long (Hà Nội)
11	Tiểu học Tư thục Bồ Đề	Giáo hội Tăng già Trung Việt, Hội Phật học Việt Nam	Từ năm 1952	Miền Trung và Sài Gòn
12	Trung học Tư thục Bồ Đề			

Bên cạnh các cơ sở giáo dục mới được thành lập sau năm 1945, nhiều ngôi trường do tăng ni, Phật tử thành lập từ trước Cách mạng tháng Tám, đặc biệt là trong phong trào trấn hưng Phật giáo, đã tiếp tục được hoạt động, tiêu biểu như Phật học đường Báo Quốc, Phật học đường Tây Thiên (Huế), Phật học đường Lưỡng Xuyên (Trà Vinh)... dù có sự khác biệt về thời gian thành lập nhưng nhìn chung các ngôi trường này đều hướng tới mục tiêu nâng cao dân trí và duy gì các giáo lý, hoạt động tu tập và các nguyên tắc đạo đức của đạo Phật. Điều này được thể hiện rõ nét qua chương trình giáo dục, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các môn học chung theo quy định của Nhà nước và các nội dung Phật học.

Trên cơ sở đó, các thế hệ tăng ni tiến bộ đủ năng lực và phẩm chất để có thể đồng hành cũng dân tộc vượt qua những năm tháng khó khăn do chiến tranh và xây dựng đất nước vươn mình sánh vai với các quốc gia hùng cường đã từng bước được ra đời.

Có thể nói, sự ủng hộ tích cực của Phật giáo đối với công tác giáo dục, đào tạo trong giai đoạn 1945-1954 có ý nghĩa quan trọng đối với vận mệnh của đất nước khi thể chế chính trị thay đổi, chính quyền dân chủ mới thành lập, quốc gia phải đối đầu với những âm mưu xâm lược của các phe phái đối lập. Các cơ sở Phật học này là minh chứng cho sự ủng hộ của Phật giáo Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng. Nhờ vậy, trình độ dân trí Việt Nam được nâng cao, công cuộc kháng chiến kiến quốc không chỉ diễn ra trên mặt trận vũ trang mà những hoạt động đấu tranh bất bạo động thông qua hình thức báo chí, tuyên truyền, diễn thuyết v.v. ngày càng in sâu và lan rộng trong quần chúng.

4. Kết luận

Soi chiếu lại lịch sử Việt Nam từ xưa tới nay, có thể nói, hộ quốc an dân, gắn đạo với đời luôn là những tinh thần được tăng ni, Phật tử đề cao và điều này càng được xiển dương hơn nữa dưới thời Phật hoàng Trần Nhân Tông. Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, dưới tác động của công cuộc xâm lược và bình định của thực dân Pháp, phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc ở Việt Nam diễn ra hết sức sôi nổi. Trong bối cảnh đó, phát huy tinh thần hộ quốc an dân, Phật giáo Việt Nam đã nhiệt tình góp sức mình vào công cuộc giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tinh thần này còn được tăng ni, Phật tử phát huy mạnh mẽ hơn nữa trong cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1945-1954. Sự góp sức của Phật giáo là minh chứng quan trọng cho thấy đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa đã đề ra là hoàn toàn chính xác, phù hợp với tình hình thực tiễn của Việt Nam. Đây là cơ sở quan trọng góp phần làm nên chiến thắng “lẫy lừng năm châu, chấn động địa cầu” - chiến dịch Điện Biên Phủ 1954, tạo điều kiện lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

Tác giả: **Nguyễn Thúy Hiền - Lê Tuấn Hùng**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

***

Chú thích:

1) Viện Trần Nhân Tông, ĐHQGHN.

2) Viện Trần Nhân Tông, ĐHQGHN

3) Nguyễn Đại Đồng (2014), "Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 9 (135), tr. 77-91.

4) Nguyễn Thị Luyến, Đặng Thị Dung (2018), "Lý tưởng phụng sự xã hội của thanh niên phật tử trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)", Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ, 2 (61), tr. 1-4.

5) Nguyễn Thị Như (2019), "Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)", NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, truy cập tại https://nxbctqg.org.vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong- thuc-dan-phap-1945-1954-.html, ngày 10/8/2025.

6) Lam Phương (2021), "Phật giáo Nam Bộ đồng hành trong cuộc kháng chiến chống Pháp", Tạp chí Văn hóa Phật giáo, truy cập tại https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/9857, ngày 10/8/2025.

7) Dương Thanh Mừng (2019), "Về sự ra đời của các tổ chức Phật giáo ở miền Nam Việt Nam, giai đoạn 1951-1954", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 2 (182), tr. 34-53.

8) Thích Nữ Phước Nghĩa (2023), "Tinh thần hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam về mặt chính trị", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, truy cập tại https://tapchinghiencuuphathoc.vn/tinh-than-ho-quoc-an-dan-cua-phat-giao-viet-nam-ve- mat-chinh-tri.html, tháng 8/2025.

9) Phan Huy Lê (chủ biên), Lịch sử Việt Nam tập 1, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 736.

10) Lê Tâm Đắc (2008), "Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỉ XX", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 6/2008, tr. 13.

11) Nguyễn Đại Đồng (2005), "Hoạt động của Phật giáo Bắc bộ từ tháng 9-1945 đến toàn quốc khảng chiến", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2, tr. 33.

12) Nguyễn Đại Đồng (2014), "Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 9 (135), tr. 78.

13) Nguyễn Đại Đồng (2013), "Phật giáo thời Pháp thuộc (1884-1945) (tiếp theo số trước)", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2, tr. 27.

14) Nguyễn Đại Đồng (2008), "Hoạt động của Phật giáo Bắc bộ trong vùng tạm chiếm (tiếp theo số trước)", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 3, 30.

15) Lê Tâm Đắc (2008), "Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỉ XX", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 6/2008, tr. 14.

16) Nguyễn Đại Đồng (2005), "Hoạt động của Phật giáo Bắc bộ từ tháng 9-1945 đến toàn quốc khảng chiến", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2, tr. 41.

17) Nguyễn Đại Đồng (2014), "Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 9 (135), tr. 84.

18) Nguyễn Đại Đồng (2005), "Hoạt động của Phật giáo Bắc bộ từ tháng 9-1945 đến toàn quốc khảng chiến", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 2, tr. 35.

Tài liệu tham khảo:

*1] Dương Thanh Mừng (2019), "Về sự ra đời của các tổ chức Phật giáo ở miền Nam Việt Nam, giai đoạn 1951-1954", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, **2** (182), tr. 34-53.*

2] Lam Phương (2021), "Phật giáo Nam Bộ đồng hành trong cuộc kháng chiến chống Pháp", Tạp chí Văn hóa Phật giáo, truy cập tại https://tapchivanhoaphatgiao.com/ luu-tru/9857, ngày 10/8/2025.

3] Lê Tâm Đắc (2008), "Đóng góp của Phật giáo miền Bắc với sự nghiệp giải phóng dân tộc nửa đầu thế kỉ XX", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 6/2008, tr. 12-18.

*4] Nguyễn Đại Đồng (2005), "Hoạt động của Phật giáo Bắc bộ từ tháng 9-1945 đến toàn quốc khảng chiến", Tạp chí Nghiên cứu Phật học**, 2**, tr. 33-41.*

5] Nguyễn Đại Đồng (2008), "Hoạt động của Phật giáo Bắc bộ trong vùng tạm chiếm (tiếp theo số trước)", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 3, 29-32.

*6] Nguyễn Đại Đồng (2013), "Phật giáo thời Pháp thuộc (1884-1945) (tiếp theo số trước)", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, **2**, tr. 26-29.*

7] Nguyễn Đại Đồng (2014), "Tính chất và đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp", Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, 9 (135), tr. 77-91.

8] Nguyễn Thị Luyến, Đặng Thị Dung (2018), "Lý tưởng phụng sự xã hội của thanh niên phật tử trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)", Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Sao Đỏ, 2 (61), tr. 1-4.

9] Nguyễn Thị Như (2019), "Đóng góp của Phật giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)", NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, truy cập tại https://nxbctqg.org. vn/dong-gop-cua-phat-giao-trong-khang-chien-chong-thuc-dan-phap-1945-1954-.html, ngày 14/8/2025.

10] Phan Huy Lê (chủ biên), Lịch sử Việt Nam tập 1, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

11] Thích Nữ Phước Nghĩa (2023), "Tinh thần hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam về mặt chính trị", Tạp chí Nghiên cứu Phật học, truy cập tại https://tapchinghiencuuphathoc. vn/tinh-than-ho-quoc-an-dan-cua-phat-giao-viet-nam-ve-mat-chinh-tri.html, tháng 8/2025.